

TỜ TRÌNH

Đề nghị giao kế hoạch chi tiết nguồn vốn ngân sách Trung ương của Tiểu dự án hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn (Chương trình 135) thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2020 (đợt 2), tỉnh Thanh Hóa

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 32/NQ-CP ngày 14/5/2019 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019-2021;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn Ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020; số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 về việc phê duyệt Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020; số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10/10/2016 ban hành quy chế quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình MTQG; số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 về phê duyệt danh sách thôn ĐBK, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 – 2020; số 1865/QĐ-TTg ngày 23/11/2017 về việc giao kế hoạch thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2016-2020; số 1896/QĐ-TTg ngày 31/12/2018 về việc bổ sung, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 cho các bộ, ngành, địa phương; số 1706/QĐ-TTg ngày 29/11/2019 về việc kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1882/QĐ-BKHĐT ngày 29/12/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và chi tiết dự toán chi ngân sách Trung ương thực hiện các Chương trình MTQG năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 01/2017/TT-UBND ngày 10/5/2017 của Ủy ban Dân tộc về việc quy định chi tiết thực hiện Dự án 2 (Chương trình 135) thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2016 - 2020; Quyết định số

414/QĐ-UBND ngày 11/7/2017 của Ủy ban Dân tộc về việc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn thuộc diện đầu tư Chương trình 135 giai đoạn 2017-2020; Công văn số 940/UBND-VP135 ngày 11/9/2017 của Ủy ban Dân tộc về phương án phân bổ vốn thực hiện Chương trình 135 giai đoạn 2016 – 2020; Công văn số 840/UBND-VP135 ngày 13/7/2020 của Ủy ban Dân tộc về việc phân bổ vốn năm 2020 cho các xã, thôn, bản hoàn thành mục tiêu Chương trình 135;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh: số 66/2017/NQ-HĐND ngày 21/12/2017 ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; số 21/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Thanh Hóa; số 225/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 về kế hoạch đầu tư công năm 2020 tỉnh Thanh Hóa; số 226/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Thanh Hóa; số 227/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 về việc phân bổ ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: số 4878/2016/QĐ-UBND ngày 19/12/2016; số 2213/QĐ-UBND ngày 27/6/2017; số 4313/QĐ-UBND ngày 10/11/2017 về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020; số 5476/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2020; số 5592/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 về việc giao kế hoạch chi tiết cho các chương trình, dự án từ nguồn vốn đầu tư công năm 2020 (đợt 1); số 386/QĐ-UBND ngày 16/01/2018 về việc thành lập thôn, tổ dân phố mới tại các xã, thị trấn thuộc huyện Cẩm Thủy; số 3110/QĐ-UBND ngày 17/8/2018 về việc đổi tên, chuyển thôn thành khu phố, sáp nhập để thành lập thôn, tổ dân phố tại xã, phường, thị trấn thuộc các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 5265/SKHĐT-KTNN ngày 07/9/2020, UBND tỉnh báo cáo và kính đề nghị HĐND tỉnh xem xét, giao chi tiết kế hoạch vốn ngân sách Trung ương của Tiểu dự án hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn (Chương trình 135) thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2020 (đợt 2), với những nội dung sau:

1. Tổng nguồn vốn ngân sách Trung ương năm 2020 của Tiểu dự án hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn (Chương trình 135) thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 129.674 triệu đồng.

2. Số vốn đã được HĐND tỉnh giao kế hoạch chi tiết đợt 1 tại Nghị quyết số 225/NQ-HĐND ngày 12/12/2019: 103.935 triệu đồng.

3. Nguyên tắc, tiêu chí bố trí vốn đợt này

Hiện nay, Ủy ban Dân tộc chưa có hướng dẫn về giao kế hoạch vốn cho các xã, thôn, bản hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 và các thôn, bản đặc biệt khó khăn thực hiện sáp nhập, đổi tên. Tuy nhiên, tại văn bản số

1429/UBND-CSDT ngày 18/11/2019 của Ủy ban Dân tộc trả lời Ban Dân tộc tỉnh Điện Biên về thực hiện chế độ chính sách đối với các thôn, bản đặc biệt khó khăn sau khi sáp nhập, đổi tên, theo đó, *tiếp tục thực hiện chế độ, chính sách cho các đối tượng đã được phê duyệt tại Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ cho đến khi quyết định trên được sửa đổi, bổ sung có hiệu lực thi hành*. Đồng thời, theo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 4521/VPCP-KTTH ngày 06/6/2020 về việc giao Ủy ban Dân tộc chủ trì đề xuất sửa đổi, bổ sung Quyết định số 03/2019/QĐ-TTg ngày 15/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó, *cho phép tiếp tục bố trí kinh phí năm 2020 cho các xã, thôn hoàn thành mục tiêu Chương trình 135*.

Vì vậy, để đảm bảo giải ngân 100% kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020 theo chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29/5/2020; UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh giao kế hoạch chi tiết vốn ngân sách Trung ương còn lại (25.739 triệu đồng) của Tiểu dự án hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn (Chương trình 135) thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2020 như sau:

3.1. Đối tượng phân bổ: Các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 và các thôn, bản đặc biệt khó khăn thuộc diện đầu tư của Chương trình 135, giai đoạn 2017-2020 thực hiện sáp nhập, đổi tên trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

3.2. Nguyên tắc phân bổ:

(i) Đối với xã đặc biệt khó khăn hoàn thành mục tiêu Chương trình 135: Phân bổ hết định mức hỗ trợ theo Nghị Quyết số 66/2017/NQ-HĐND ngày 21/12/2017 của HĐND tỉnh ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 – 2020 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Trường hợp các xã có số vốn còn lại quá ít (xã Tam Lư, huyện Quan Sơn và xã Phú Nghiêm, huyện Quan Hóa số vốn còn lại là 22 triệu đồng/xã) không đảm bảo hỗ trợ theo công trình thì đề nghị chuyển vốn sang hỗ trợ các xã khác.

(ii) Đối với các thôn, bản đặc biệt khó khăn đã hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 và các thôn, bản đặc biệt khó khăn trước sáp nhập, đổi tên trên địa bàn xã:

- Tổng số vốn phân bổ kế hoạch chi tiết không vượt quá tổng số vốn được hỗ trợ của các thôn, bản đặc biệt khó khăn (được phê duyệt tại Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ).

- Phân bổ vốn cho các thôn, bản đặc biệt khó khăn đã hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 và các thôn, bản đặc biệt khó khăn trước sáp nhập, đổi tên và mỗi xã hỗ trợ không quá 4 thôn (theo hướng dẫn của Ủy ban Dân tộc tại văn bản số 940/UBND-VP135 ngày 11/9/2017); trong đó:

+ Đối với các thôn, bản đặc biệt khó khăn đã hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 thì mức hỗ trợ năm 2020 là 200 triệu đồng/thôn, bản.

+ Đối với các thôn, bản đặc biệt khó khăn sáp nhập với các thôn bản không thuộc diện đầu tư của Chương trình 135 thì mức hỗ trợ năm 2020 là 200 triệu đồng/thôn, bản.

+ Đối với các thôn, bản đặc biệt khó khăn sáp nhập với nhau thành thôn, bản mới thì mức hỗ trợ năm 2020 bằng định mức của các thôn, bản trước sáp nhập cộng dồn.

4. Số vốn đề nghị giao chi tiết đợt 2: 25.739 triệu đồng.

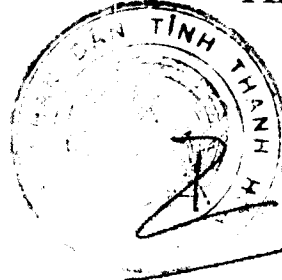
(Chi tiết có Phụ lục kèm theo)

Kính đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Ban Dân tộc;
- Lưu: VT, THKH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Đăng Quyền

Phạm Đăng Quyền

Phụ biểu: CHI TIẾT KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NSTW CỦA TIÊU DỰ ÁN HỖ TRỢ CƠ SỞ HẠ TẦNG CHO CÁC XÃ ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN, XÃ BIÊN GIỚI, XÃ AN TOÀN KHU, CÁC THÔN, BẢN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN (CHƯƠNG TRÌNH 135) THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2020 (ĐỢT 2)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên huyện/ xã	Kế hoạch vốn giai đoạn 2017 - 2020	Số vốn giai đoạn 2017 - 2020 đã phân bổ	Số vốn giai đoạn 2017 - 2020 còn lại	Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
	TỔNG SỐ VỐN NĂM 2020	531.844	402.170	129.674	129.674	
I	Số vốn đã giao kế hoạch đợt 1	421.745	317.810	103.935	103.935	
II	Số vốn đề nghị giao kế hoạch đợt này	110.099	84.360	25.739	25.739	Hỗ trợ 200 triệu đồng/thôn, bản; một xã hỗ trợ không quá 04 thôn.
1	Huyện Mường Lát					
-	Thị trấn Mường Lát (01 bản)	800	600	200	200	
2	Huyện Quan Sơn					
-	Xã Tam Lư	3.858	3.836	22		Do vốn còn lại quá ít không đảm bảo hỗ trợ theo công trình nên đề nghị bố trí số vốn còn lại (22 triệu đồng) của xã Tam Lư sang hỗ trợ xã Cẩm Phú, huyện Cẩm Thủy.
3	Huyện Quan Hóa					
-	Xã Phú NghiêM	3.789	3.767	22		Do vốn còn lại quá ít không đảm bảo hỗ trợ theo công trình nên đề nghị bố trí số vốn còn lại (22 triệu đồng) của xã Phú NghiêM sang hỗ trợ xã Cẩm Phú, huyện Cẩm Thủy.
-	Xã Xuân Phú - nay là xã Phú NghiêM (01 bản)	800	600	200	200	
-	Thị trấn Quan Hóa (01 bản)	800	600	200	200	
4	Huyện Bá Thước					
-	Xã Hạ Trung (02 bản)	1.600	1.200	400	400	

-	Xã Lương Trung (01 bản)	800	600	200	200	
5	Huyện Lang Chánh					
-	Xã Quang Hiến - nay là thị trấn Lang Chánh (04 bản)	3.200	2.400	800	800	
6	Huyện Cẩm Thủy					
-	Xã Cẩm Phú	3.718	2.763	955	999	Định mức NSTW hỗ trợ cho xã Cẩm Phú còn 955 triệu đồng. Vốn tăng thêm (44 triệu đồng) nên đề xuất bố trí từ nguồn vốn còn lại của 02 xã Tam Lư, huyện Quan Sơn và xã Phú Nghiê, huyện Quan Hóa.
-	Xã Cẩm Thành (04 thôn)	3.200	2.400	800	800	
-	Xã Cẩm Thạch (02 thôn)	1.600	1.200	400	400	
-	Xã Cẩm Châu (02 thôn)	1.600	1.200	400	400	
-	Xã Cẩm Tâm (03 thôn)	2.400	1.800	600	600	
-	Xã Cẩm Quý (02 thôn)	1.600	1.200	400	400	
-	Xã Cẩm Giang (01 thôn)	800	600	200	200	
7	Huyện Ngọc Lặc					
-	Xã Quang Trung (03 thôn)	2.400	1.800	600	600	
-	Xã Cao Ngọc (02 thôn)	1.600	1.200	400	400	
-	Xã Nguyệt Ân (04 thôn)	3.200	2.400	800	800	
-	Xã Kiên Thọ (03 thôn)	2.400	1.800	600	600	
-	Xã Đông Thịnh (01 thôn)	800	600	200	200	
-	Xã Phùng Minh (03 thôn)	2.400	1.800	600	600	
-	Xã Minh Tiến (04 thôn)	3.200	2.400	800	800	
-	Xã Phúc Thịnh (02 thôn)	1.600	1.200	400	400	
-	Xã Ngọc Trung (02 thôn)	1.600	1.200	400	400	
-	Xã Lộc Thịnh (03 thôn)	2.400	1.800	600	600	
-	Xã Thúy Sơn (01 thôn)	800	600	200	200	
8	Huyện Thường Xuân					

-	Xã Lương Sơn (02 thôn)	1.600	1.200	400	400
-	Xã Xuân Cao (02 thôn)	1.600	1.200	400	400
-	Xã Luận Thành (01 thôn)	800	600	200	200
9	Huyện Như Xuân				
-	Xã Hóa Quý (04 thôn)	3.200	2.400	800	800
-	Xã Xuân Quý - nay là xã Hóa Quý (02 thôn)	1.600	1.200	400	400
-	Xã Cát Vân (04 thôn)	3.200	2.400	800	800
-	Xã Tân Bình (04 thôn)	3.200	2.400	800	800
-	Xã Bình Lương (01 thôn)	800	600	200	200
-	Xã Bãi Trành (01 thôn)	800	600	200	200
-	Thị trấn Yên Cát (01 thôn)	800	600	200	200
10	Huyện Như Thanh				
-	Xã Mậu Lâm	4.546	3.379	1.167	1.167
-	Xã Cán Khê	3.788	2.815	973	973
-	Xã Hải Long (01 thôn)	800	600	200	200
11	Huyện Thạch Thành				
-	Xã Thạch Quảng (01 thôn)	800	600	200	200
-	Xã Thành Vinh (02 thôn)	1.600	1.200	400	400
-	Xã Thạch Long (01 thôn)	800	600	200	200
-	Xã Thạch Đông (01 thôn)	800	600	200	200
12	Huyện Triệu Sơn				
-	Xã Thọ Sơn (04 thôn)	3.200	2.400	800	800
13	Huyện Thọ Xuân				
-	Xã Quảng Phú (01 bản)	800	600	200	200
-	Xã Xuân Phú (03 bản)	2.400	1.800	600	600
14	Huyện Tĩnh Gia				
-	Xã Phú Lâm (03 thôn)	2.400	1.800	600	600
-	Xã Tùng Lâm (01 thôn)	800	600	200	200

15	Huyện Vĩnh Lộc					
-	Xã Vĩnh Quang (02 thôn)	1.600	1.200	400	400	
-	Xã Vĩnh Long (04 thôn)	3.200	2.400	800	800	
-	Xã Vĩnh Hưng (04 thôn)	3.200	2.400	800	800	
-	Xã Vĩnh Hùng (04 thôn)	3.200	2.400	800	800	
-	Xã Vĩnh Thịnh (01 thôn)	800	600	200	200	
-	Xã Vĩnh An (03 thôn)	2.400	1.800	600	600	
16	Huyện Yên Định					
-	Xã Yên Lâm (03 thôn)	2.400	1.800	600	600	

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /NQ-HĐND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2020

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Về việc giao kế hoạch chi tiết nguồn vốn ngân sách Trung ương của Tiểu dự án hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn (Chương trình 135) thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2020 (đợt 2), tỉnh Thanh Hóa

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ
KHOÁ XVII, KỲ HỌP THỨ 13**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 32/NQ-CP ngày 14/5/2019 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019-2021;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn Ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020; số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 về việc phê duyệt Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020; số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10/10/2016 ban hành quy chế quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình MTQG; số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 về phê duyệt danh sách thôn ĐBKK, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 – 2020; số 1865/QĐ-TTg ngày 23/11/2017 về việc giao kế hoạch thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2016-2020; số 1896/QĐ-TTg ngày 31/12/2018 về việc bổ sung, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 cho các bộ, ngành, địa phương; số 1706/QĐ-TTg ngày 29/11/2019 về việc kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1882/QĐ-BKHĐT ngày 29/12/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và chi tiết dự toán chi ngân sách Trung ương thực hiện các Chương trình MTQG năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 01/2017/TT-UBND ngày 10/5/2017 của Ủy ban Dân tộc về việc quy định chi tiết thực hiện Dự án 2 (Chương trình 135) thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2016 - 2020; Quyết định số 414/QĐ-UBND ngày 11/7/2017 của Ủy ban Dân tộc về việc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn thuộc diện đầu tư Chương trình 135 giai đoạn 2017-2020; Công văn số 940/UBND-VP135 ngày 11/9/2017 của Ủy ban Dân tộc về phương án phân bổ vốn thực hiện Chương trình 135 giai đoạn 2016 - 2020; Công văn số 840/UBND-VP135 ngày 13/7/2020 của Ủy ban Dân tộc về việc phân bổ vốn năm 2020 cho các xã, thôn, bản hoàn thành mục tiêu Chương trình 135;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh: số 66/2017/NQ-HĐND ngày 21/12/2017 ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; số 21/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Thanh Hóa; số 225/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 về kế hoạch đầu tư công năm 2020 tỉnh Thanh Hóa; số 226/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Thanh Hóa; số 227/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 về việc phân bổ ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Thanh Hóa;

Xét Tờ trình số...../TTr-UBND ngày tháng năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị giao kế hoạch chi tiết nguồn vốn ngân sách Trung ương của Tiểu dự án hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn (Chương trình 135) thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2020 (đợt 2), tỉnh Thanh Hóa; Báo cáo thẩm tra số/BC-HĐND ngày..... tháng ... năm 2020 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Giao kế hoạch chi tiết nguồn vốn ngân sách Trung ương của Tiểu dự án hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn (Chương trình 135) thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2020 (đợt 2) với những nội dung sau:

1. Tổng nguồn vốn ngân sách Trung ương năm 2020 của Tiểu dự án hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn (Chương trình 135) thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 129.674 triệu đồng.

2. Số vốn đã được HĐND tỉnh giao kế hoạch chi tiết đợt 1 tại Nghị quyết số 225/NQ-HĐND ngày 12/12/2019: 103.935 triệu đồng.

3. Số vốn giao kế hoạch chi tiết đợt 2: 25.739 triệu đồng.

(Chi tiết có Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định của pháp luật hiện hành quyết định giao kế hoạch chi tiết cho các đơn vị để triển khai thực hiện, đảm bảo hiệu quả đầu tư của các dự án.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa Khoá XVII, Kỳ họp thứ 13 thông qua ngày ... tháng.....năm 2020 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính;
- TTr: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH; HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND; UBND các huyện, thị xã, TP.
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH

Trịnh Văn Chiến

Phụ biểu: CHI TIẾT KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NSTW CỦA TIÊU DỰ ÁN HỖ TRỢ CƠ SỞ HẠ TẦNG CHO CÁC XÃ ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN, XÃ BIÊN GIỚI, XÃ AN TOÀN KHU, CÁC THÔN, BẢN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN (CHƯƠNG TRÌNH 135) THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2020 (ĐỢT 2)

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2020 của HĐND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên huyện/ xã	Kế hoạch vốn giai đoạn 2017 - 2020	Số vốn giai đoạn 2017 - 2020 đã phân bổ	Số vốn giai đoạn 2017 - 2020 còn lại	Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
	TỔNG SỐ VỐN NĂM 2020	531.844	402.170	129.674	129.674	
I	Số vốn đã giao kế hoạch đợt 1	421.745	317.810	103.935	103.935	
II	Số vốn giao kế hoạch đợt này	110.099	84.360	25.739	25.739	Hỗ trợ 200 triệu đồng/thôn, bản; một xã hỗ trợ không quá 04 thôn.
1	Huyện Mường Lát					
-	Thị trấn Mường Lát (01 bản)	800	600	200	200	
2	Huyện Quan Sơn					
-	Xã Tam Lư	3.858	3.836	22		Bố trí số vốn còn lại (22 triệu đồng) của xã Tam Lư sang hỗ trợ xã Cẩm Phú, huyện Cẩm Thủy.
3	Huyện Quan Hóa					
-	Xã Phú NghiêM	3.789	3.767	22		Bố trí số vốn còn lại (22 triệu đồng) của xã Phú NghiêM sang hỗ trợ xã Cẩm Phú, huyện Cẩm Thủy.
-	Xã Xuân Phú - nay là xã Phú NghiêM (01 bản)	800	600	200	200	
-	Thị trấn Quan Hóa (01 bản)	800	600	200	200	
4	Huyện Bá Thước					
-	Xã Hạ Trung (02 bản)	1.600	1.200	400	400	
-	Xã Lương Trung (01 bản)	800	600	200	200	

5	Huyện Lang Chánh					
-	Xã Quang Hiến - nay là thị trấn Lang Chánh (04 bản)	3.200	2.400	800	800	
6	Huyện Cẩm Thủy					
-	Xã Cẩm Phú	3.718	2.763	955	999	Vốn tăng thêm (44 triệu đồng) so với định mức NSTW hỗ trợ được bố trí từ nguồn vốn còn lại của 02 xã Tam Lư, huyện Quan Sơn và xã Phú Nghiêm, huyện Quan Hóa.
-	Xã Cẩm Thành (04 thôn)	3.200	2.400	800	800	
-	Xã Cẩm Thạch (02 thôn)	1.600	1.200	400	400	
-	Xã Cẩm Châu (02 thôn)	1.600	1.200	400	400	
-	Xã Cẩm Tâm (03 thôn)	2.400	1.800	600	600	
-	Xã Cẩm Quý (02 thôn)	1.600	1.200	400	400	
-	Xã Cẩm Giang (01 thôn)	800	600	200	200	
7	Huyện Ngọc Lặc					
-	Xã Quang Trung (03 thôn)	2.400	1.800	600	600	
-	Xã Cao Ngọc (02 thôn)	1.600	1.200	400	400	
-	Xã Nguyệt Ân (04 thôn)	3.200	2.400	800	800	
-	Xã Kiên Thọ (03 thôn)	2.400	1.800	600	600	
-	Xã Đông Thịnh (01 thôn)	800	600	200	200	
-	Xã Phùng Minh (03 thôn)	2.400	1.800	600	600	
-	Xã Minh Tiến (04 thôn)	3.200	2.400	800	800	
-	Xã Phúc Thịnh (02 thôn)	1.600	1.200	400	400	
-	Xã Ngọc Trung (02 thôn)	1.600	1.200	400	400	
-	Xã Lộc Thịnh (03 thôn)	2.400	1.800	600	600	
-	Xã Thúy Sơn (01 thôn)	800	600	200	200	
8	Huyện Thường Xuân					
-	Xã Lương Sơn (02 thôn)	1.600	1.200	400	400	
-	Xã Xuân Cao (02 thôn)	1.600	1.200	400	400	

-	Xã Luận Thành (01 thôn)	800	600	200	200
9	Huyện Như Xuân				
-	Xã Hóa Quý (04 thôn)	3.200	2.400	800	800
-	Xã Xuân Quý - nay là xã Hóa Quý (02 thôn)	1.600	1.200	400	400
-	Xã Cát Vân (04 thôn)	3.200	2.400	800	800
-	Xã Tân Bình (04 thôn)	3.200	2.400	800	800
-	Xã Bình Lương (01 thôn)	800	600	200	200
-	Xã Bãi Trành (01 thôn)	800	600	200	200
-	Thị trấn Yên Cát (01 thôn)	800	600	200	200
10	Huyện Như Thanh				
-	Xã Mậu Lâm	4.546	3.379	1.167	1.167
-	Xã Cán Khê	3.788	2.815	973	973
-	Xã Hải Long (01 thôn)	800	600	200	200
11	Huyện Thạch Thành				
-	Xã Thạch Quảng (01 thôn)	800	600	200	200
-	Xã Thành Vinh (02 thôn)	1.600	1.200	400	400
-	Xã Thạch Long (01 thôn)	800	600	200	200
-	Xã Thạch Đông (01 thôn)	800	600	200	200
12	Huyện Triệu Sơn				
-	Xã Thọ Sơn (04 thôn)	3.200	2.400	800	800
13	Huyện Thọ Xuân				
-	Xã Quảng Phú (01 bản)	800	600	200	200
-	Xã Xuân Phú (03 bản)	2.400	1.800	600	600
14	Huyện Tĩnh Gia				
-	Xã Phú Lâm (03 thôn)	2.400	1.800	600	600
-	Xã Tùng Lâm (01 thôn)	800	600	200	200
15	Huyện Vĩnh Lộc				
-	Xã Vĩnh Quang (02 thôn)	1.600	1.200	400	400

-	Xã Vĩnh Long (04 thôn)	3.200	2.400	800	800	
-	Xã Vĩnh Hưng (04 thôn)	3.200	2.400	800	800	
-	Xã Vĩnh Hùng (04 thôn)	3.200	2.400	800	800	
-	Xã Vĩnh Thịnh (01 thôn)	800	600	200	200	
-	Xã Vĩnh An (03 thôn)	2.400	1.800	600	600	
16	Huyện Yên Định					
-	Xã Yên Lâm (03 thôn)	2.400	1.800	600	600	

UBND TỈNH THANH HÓA CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ TƯ PHÁP Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 496 /BCTĐ-STP

Thanh Hóa, ngày 19 tháng 8 năm 2020

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

Dự thảo Nghị quyết về phương án phân bổ kế hoạch vốn NSTW (đợt 2) cho các dự án của Tiểu dự án hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn (Chương trình 135) thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2020.

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 4602/SKHĐT-KTNN ngày 07/8/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết về phương án phân bổ kế hoạch vốn NSTW (đợt 2) cho các dự án của Tiểu dự án hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn (Chương trình 135) thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2020. Sau khi nghiên cứu dự thảo, căn cứ các văn bản pháp luật có liên quan, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

1. Về thẩm quyền ban hành văn bản:

Điều 2 Nghị quyết số 227/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh Thanh Hoá về việc phân bổ ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Thanh Hoá quy định đối với các Chương trình mục tiêu, Chương trình MTQG chưa phân bổ chi tiết thì UBND tỉnh lập phương án phân bổ chi tiết báo cáo Thường trực HĐND cho ý kiến trước khi trình HĐND tỉnh quyết định. Vì vậy, HĐND tỉnh quyết định phương án phân bổ kế hoạch vốn NSTW (đợt 2) cho các dự án của Tiểu dự án hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn (Chương trình 135) thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2020 là phù hợp và đúng thẩm quyền. Tuy nhiên, dự thảo văn bản chưa thể hiện ý kiến của Thường trực HĐND tỉnh, do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo thực hiện thủ tục báo cáo UBND tỉnh để xin ý kiến thống nhất của Thường trực HĐND tỉnh.

2. Về nội dung văn bản:

- Tại Điều 1 của dự thảo văn bản:

+ Theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 227/NQ-HĐND thì HĐND tỉnh quyết định phương án phân bổ chi tiết, do đó, đề nghị điều chỉnh lại Điều 1 của dự thảo văn bản là: “ *Quyết định phương án phân bổ kế hoạch...* ”

+ Bỏ nội dung số vốn đã được phân bổ đợt 1 vì nội dung này đã được quy định tại Nghị quyết 225/NQ-HĐND ngày 12/12/2019.

- Về số liệu phân bổ chi tiết kế hoạch vốn NSTW (đợt 2) cho các dự án của Tiểu dự án hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn (Chương trình 135) thì Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan chủ trì tham mưu đề xuất phương án phân bổ chi tiết, mặt khác hồ sơ không thể hiện số liệu chi tiết cụ thể (không có Phụ lục kèm theo), vì vậy, Sở Tư pháp không có ý kiến tham gia.

3. Về thể thức và kỹ thuật trình bày:

Tại phần căn cứ ban hành:

+ Đề nghị điều chỉnh lại thành chữ in nghiêng cho phù hợp với quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính Phủ về công tác văn thư.

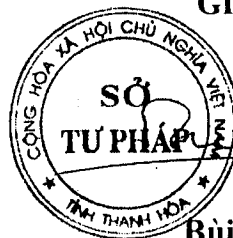
+ Dự thảo văn bản thể hiện là Nghị quyết của HĐND tỉnh, vì vậy đề nghị bỏ phần căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh.

Kính chuyển Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, XDVB.

GIÁM ĐỐC



Bùi Đình Sơn

VĂN BẢN ĐIỆN TỬ

Số 6488 Ngày 08/09/2020

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5265 /SKHĐT-KTNN

Thanh Hóa, ngày 07 tháng 9 năm 2020

V/v đề nghị báo cáo HĐND tỉnh xem xét, quyết định phương án phân bổ chi tiết kế hoạch vốn NSTW (đợt 2) của Tiểu dự án hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn (Chương trình 135).

Kính gửi: UBND tỉnh Thanh Hóa.

Sở Kế hoạch và Đầu tư nhận được văn bản số 442/BDT-KHTH ngày 23/7/2020 về phương án phân bổ vốn Chương trình 135 đối với các các thôn, bản đặc biệt khó khăn thực hiện sáp nhập, đổi tên và số 527/BDT-KHTH ngày 03/9/2020 về phương án phân bổ vốn Chương trình 135 đối với các xã, thôn bản hoàn thành mục tiêu Chương trình 135, sau khi nghiên cứu đề xuất của Ban Dân tộc và các quy định hiện hành, Kế hoạch và Đầu tư báo cáo, đề xuất UBND tỉnh như sau:

Ngày 31/12/2019, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 5592/QĐ-UBND về việc giao kế hoạch chi tiết cho các chương trình, dự án từ nguồn vốn đầu tư công năm 2020 (đợt 1). Theo đó, số vốn còn lại của Tiểu dự án hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn (Chương trình 135) chưa phân bổ cho các xã, thôn bản hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 và các thôn, bản đặc biệt khó khăn thực hiện sáp nhập, đổi tên là 25.739 triệu đồng; đồng thời, giao Ban Dân tộc xây dựng phương án phân bổ chi tiết số vốn nêu trên sau khi có hướng dẫn của Ủy ban Dân tộc, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, trình HĐND tỉnh thông qua trước khi giao kế hoạch chi tiết theo quy định.

Hiện nay, Ủy ban Dân tộc chưa có hướng dẫn về giao kế hoạch vốn cho các đối tượng trên. Tuy nhiên, tại văn bản số 1429/UBND-CSĐT ngày 18/11/2019 của Ủy ban Dân tộc trả lời Ban Dân tộc tỉnh Điện Biên về thực hiện chế độ chính sách đối với các thôn, bản đặc biệt khó khăn sau khi sáp nhập, đổi tên; theo đó, "đề nghị tỉnh tiếp tục thực hiện chế độ, chính sách cho các đối tượng đã được phê duyệt tại Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ cho đến khi quyết định trên được sửa đổi, bổ sung có hiệu lực thi hành". Đồng thời, theo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 4521/VPCP-KTTH ngày 06/6/2020 về việc giao Ủy ban Dân tộc chủ trì đề xuất sửa đổi, bổ sung Quyết định số 03/2019/QĐ-TTg ngày 15/01/2019, trong đó cho phép tiếp tục bố trí kinh phí năm 2020 cho các xã, thôn hoàn thành mục tiêu Chương trình

135. Vì vậy, để đảm bảo giải ngân 100% kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020 theo chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29/5/2020 và Thông báo số 132/TB-UBND ngày 12/8/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư thống nhất với đề xuất của Ban Dân tộc tại các văn bản số 442/BDT-KHTH ngày 23/7/2020, số 527/BDT-KHTH ngày 03/9/2020 và báo cáo UBND tỉnh như sau:

1. Tổng nguồn vốn và số vốn đề nghị phân bổ

- Tổng nguồn vốn NSTW năm 2020 của Tiểu dự án hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn (Chương trình 135) thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững là 129.674 triệu đồng;

- Số vốn đã được HĐND tỉnh thông qua và UBND tỉnh phân bổ đợt 1 là 103.935 triệu đồng¹;

- Số vốn còn lại đề nghị phân bổ chi tiết đợt 2 là 25.739 triệu đồng.

2. Đối tượng, nguyên tắc phân bổ kế hoạch vốn

2.1. Đối tượng: Các xã, thôn bản đặc biệt khó khăn hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 và các thôn, bản đặc biệt khó khăn thuộc diện đầu tư của Chương trình 135, giai đoạn 2017-2020 thực hiện sáp nhập, đổi tên trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

2.2. Nguyên tắc phân bổ vốn:

* Đối với xã đặc biệt khó khăn hoàn thành mục tiêu Chương trình 135: Phân bổ hết định mức hỗ trợ theo Nghị Quyết số 66/2017/NQ-HĐND ngày 21/12/2017 của HĐND tỉnh ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn NSTW và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 – 2020 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Trường hợp các xã có số vốn còn lại quá ít (xã Tam Lư, huyện Quan Sơn và xã Phú Nghiê, huyện Quan Hóa số vốn còn lại là 22 triệu đồng/xã) không đảm bảo hỗ trợ theo công trình thì đề nghị chuyển vốn sang hỗ trợ các xã khác.

* Đối với các thôn, bản đặc biệt khó khăn đã hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 và các thôn, bản đặc biệt khó khăn trước sáp nhập, đổi tên trên địa bàn xã:

- Tổng số vốn phân bổ kế hoạch chi tiết không vượt quá tổng số vốn được hỗ trợ của các thôn, bản đặc biệt khó khăn (được phê duyệt tại Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ).

- Phân bổ vốn cho các thôn, bản đặc biệt khó khăn đã hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 và các thôn, bản đặc biệt khó khăn trước sáp nhập, đổi tên và mỗi xã hỗ trợ không quá 4 thôn (theo hướng dẫn của Ủy ban Dân tộc tại văn bản số 940/UBND-VP135 ngày 11/9/2017); trong đó:

¹ Nghị quyết số 225/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh, Quyết định số 5476/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 và Quyết định số 5592/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh.

+ Đối với các thôn, bản đặc biệt khó khăn đã hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 thì mức hỗ trợ năm 2020 là 200 triệu đồng/thôn, bản.

+ Đối với các thôn, bản đặc biệt khó khăn sáp nhập với các thôn bản không thuộc diện đầu tư của Chương trình 135 thì mức hỗ trợ năm 2020 là 200 triệu đồng/thôn, bản.

+ Đối với các thôn, bản đặc biệt khó khăn sáp nhập với nhau thành thôn, bản mới thì mức hỗ trợ năm 2020 bằng định mức của các thôn, bản trước sáp nhập cộng dồn.

3. Phương án phân bổ chi tiết kế hoạch vốn NSTW năm 2020 (đợt 2)

- Tổng nguồn vốn NSTW năm 2020 của Tiểu dự án hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn (Chương trình 135) thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững là 129.674 triệu đồng;

- Số vốn được HĐND tỉnh thông qua đợt 1 tại Nghị quyết số 225/NQ-HĐND ngày 12/12/2019: 103.935 triệu đồng;

- Số vốn đề nghị phân bổ chi tiết đợt 2: 25.739 triệu đồng.

(Chi tiết có Phụ lục kèm theo).

Trên cơ sở phương án đề xuất nêu trên, căn cứ quy định tại Điều 63, Điều 83 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 và Nghị quyết số 225/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư kính báo cáo UBND tỉnh xem xét, có văn bản trình HĐND tỉnh quyết định phương án phân bổ chi tiết kế hoạch vốn NSTW của Tiểu dự án hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn (Chương trình 135) thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2020 (đợt 2).

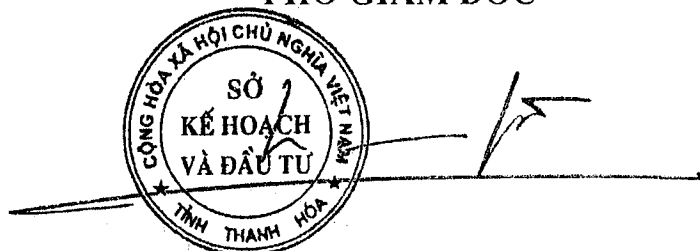
(Có dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh, dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh và Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp gửi kèm theo).

Sở Kế hoạch và Đầu tư kính báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KTNN.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Minh Nghĩa

Phụ biểu: Chi tiết kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn NSTW của Tiểu dự án hỗ trợ cơ sở hạ tầng cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn (Chương trình 135) thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2020 (đợt 2)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên huyện/ xã	Kế hoạch vốn giai đoạn 2017 - 2020	Số vốn giai đoạn 2017 - 2020 đã phân bổ	Số vốn giai đoạn 2017 - 2020 còn lại	Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
	TỔNG SỐ	531.844	402.170	129.674	272.496	
I	Số vốn đã giao kế hoạch đợt 1	421.745	317.810	103.935	103.935	
II	Số vốn đề nghị giao kế hoạch đợt này	110.099	84.360	25.739	25.739	- Hỗ trợ 200 triệu đồng/thôn, bản; một xã hỗ trợ không quá 04 thôn.
1	Huyện Mường Lát					
-	Thị trấn Mường Lát (01 bản)	800	600	200	200	
2	Huyện Quan Sơn					
-	Xã Tam Lư	3.858	3.836	22		Do vốn còn lại quá ít không đảm bảo hỗ trợ theo công trình nên đề nghị bố trí số vốn còn lại (22 triệu đồng) của xã Tam Lư sang hỗ trợ xã Cẩm Phú, huyện Cẩm Thủy như đề xuất của Ban Dân tộc tại văn bản số 527/BDT-KHTH ngày 03/9/2020.
3	Huyện Quan Hóa					
-	Xã Phú NghiêM	3.789	3.767	22		Do vốn còn lại quá ít không đảm bảo hỗ trợ theo công trình nên đề nghị bố trí số vốn còn lại (22 triệu đồng) của xã Phú NghiêM sang hỗ trợ xã Cẩm Phú, huyện Cẩm Thủy như đề xuất của Ban Dân tộc tại văn bản số 527/BDT-KHTH ngày 03/9/2020.
-	Xã Xuân Phú - nay là xã Phú NghiêM (01 bản)	800	600	200	200	
-	Thị trấn Quan Hóa (01 bản)	800	600	200	200	
4	Huyện Bá Thước					
-	Xã Hạ Trung (02 bản)	1.600	1.200	400	400	
-	Xã Lương Trung (01 bản)	800	600	200	200	
5	Huyện Lang Chánh					
-	Xã Quang Hiến - nay là thị trấn Lang Chánh (04 bản)	3.200	2.400	800	800	
6	Huyện Cẩm Thủy					
-	Xã Cẩm Phú	3.718	2.763	955	999	Định mức NSTW hỗ trợ cho xã Cẩm Phú còn 955 triệu đồng, Vốn tăng thêm (44 triệu đồng) được bố trí từ nguồn vốn còn lại của 02 xã Tam Lư, huyện Quan Sơn và xã Phú NghiêM, huyện Quan Hóa như đề xuất của Ban Dân tộc tại văn bản số 527/BDT-KHTH ngày 03/9/2020.

STT	Tên huyện/ xã	Kế hoạch vốn giai đoạn 2017 - 2020	Số vốn giai đoạn 2017 - 2020 đã phân bổ	Số vốn giai đoạn 2017 - 2020 còn lại	Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
-	Xã Cẩm Thành (04 thôn)	3.200	2.400	800	800	
-	Xã Cẩm Thạch (02 thôn)	1.600	1.200	400	400	
-	Xã Cẩm Châu (02 thôn)	1.600	1.200	400	400	
-	Xã Cẩm Tâm (03 thôn)	2.400	1.800	600	600	
-	Xã Cẩm Quý (02 thôn)	1.600	1.200	400	400	
-	Xã Cẩm Giang (01 thôn)	800	600	200	200	
7	Huyện Ngọc Lặc					
-	Xã Quang Trung (03 thôn)	2.400	1.800	600	600	
-	Xã Cao Ngọc (02 thôn)	1.600	1.200	400	400	
-	Xã Nguyệt An (04 thôn)	3.200	2.400	800	800	
-	Xã Kiên Thọ (03 thôn)	2.400	1.800	600	600	
-	Xã Đồng Thịnh (01 thôn)	800	600	200	200	
-	Xã Phùng Minh (03 thôn)	2.400	1.800	600	600	
-	Xã Minh Tiến (04 thôn)	3.200	2.400	800	800	
-	Xã Phúc Thịnh (02 thôn)	1.600	1.200	400	400	
-	Xã Ngọc Trung (02 thôn)	1.600	1.200	400	400	
-	Xã Lộc Thịnh (03 thôn)	2.400	1.800	600	600	
-	Xã Thủy Sơn (01 thôn)	800	600	200	200	
8	Huyện Thường Xuân					
-	Xã Lương Sơn (02 thôn)	1.600	1.200	400	400	
-	Xã Xuân Cao (02 thôn)	1.600	1.200	400	400	
-	Xã Luận Thành (01 thôn)	800	600	200	200	
9	Huyện Như Xuân					
-	Xã Hòa Quý (04 thôn)	3.200	2.400	800	800	
-	Xã Xuân Quý - nay là xã Hòa Quý (02 thôn)	1.600	1.200	400	400	
-	Xã Cát Vân (04 thôn)	3.200	2.400	800	800	
-	Xã Tân Bình (04 thôn)	3.200	2.400	800	800	
-	Xã Bình Lương (01 thôn)	800	600	200	200	
-	Xã Bãi Trành (01 thôn)	800	600	200	200	
-	Thị trấn Yên Cát (01 thôn)	800	600	200	200	
10	Huyện Như Thanh					
-	Xã Mậu Lâm	4.546	3.379	1.167	1.167	
-	Xã Cán Khê	3.788	2.815	973	973	
-	Xã Hải Long (01 thôn)	800	600	200	200	
11	Huyện Thạch Thành					
-	Xã Thạch Quảng (01 thôn)	800	600	200	200	
-	Xã Thành Vinh (02 thôn)	1.600	1.200	400	400	

STT	Tên huyện/ xã	Kế hoạch vốn giai đoạn 2017 - 2020	Số vốn giai đoạn 2017 - 2020 đã phân bổ	Số vốn giai đoạn 2017 - 2020 còn lại	Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
-	Xã Thạch Long (01 thôn)	800	600	200	200	
-	Xã Thạch Đồng (01 thôn)	800	600	200	200	
12	Huyện Triệu Sơn					
-	Xã Thọ Sơn (04 thôn)	3.200	2.400	800	800	
13	Huyện Thọ Xuân					
-	Xã Quảng Phú (01 bản)	800	600	200	200	
-	Xã Xuân Phú (03 bản)	2.400	1.800	600	600	
14	Huyện Tĩnh Gia					
-	Xã Phú Lâm (03 thôn)	2.400	1.800	600	600	
-	Xã Tùng Lâm (01 thôn)	800	600	200	200	
15	Huyện Vĩnh Lộc					
-	Xã Vĩnh Quang (02 thôn)	1.600	1.200	400	400	
-	Xã Vĩnh Long (04 thôn)	3.200	2.400	800	800	
-	Xã Vĩnh Hưng (04 thôn)	3.200	2.400	800	800	
-	Xã Vĩnh Hùng (04 thôn)	3.200	2.400	800	800	
-	Xã Vĩnh Thịnh (01 thôn)	800	600	200	200	
-	Xã Vĩnh An (03 thôn)	2.400	1.800	600	600	
16	Huyện Yên Định					
-	Xã Yên Lâm (03 thôn)	2.400	1.800	600	600	